

ĐỀ LUYỆN SỐ 1

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TẠM BIỆT HUẾ

(Thu Bồn)

Bởi vì em dắt anh lên những ngôi đền cổ, Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng.
Chén ngọc giờ chìm dưới đáy sông sâu.
Những lãng tã như hoàng hôn chóng lại Nhịp cầu cong và con đường thẳng
ngày quên lãng, Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu?
Mặt trời vàng và mắt em nâu ... Con sông dùng dằng, con sông không chảy
Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu!

Xin chào Huế một lần anh đến,
Để ngàn lần anh mãi nhớ trong mơ. Tạm biệt Huế với em là vĩnh biệt,
Em rất thực nắng thì mờ ảo, Hải Vân ơi xin Người đừng tắt ngọn sao
Xin đừng làm em với cố đô. khuya.
Tạm biệt nhé với chiếc hôn thâm lặng,
Áo trắng hơi thuở tìm em không thấy, Anh trở về hóa đá phía bên kia.
Nắng mình mang mấy nhịp Tràng Tiền.
Nón rất Huế nhưng đời không phải thế,

(Huế, 1980)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Nhân vật trữ tình trong bài thơ có thể là:

- A. Thành phố Huế
- B. Con người Huế

C. Nhân vật “anh” (Có thể là tác giả)

D. Nhân vật “em” (Có thể là người con gái trong mộng của tác giả)

Câu 2. Đối tượng trung tâm được tác giả thể hiện cảm xúc trong bài thơ là:

A. Thành phố Huế với các hình tượng tiêu biểu của thành phố

B. Thành phố Huế

C. Người tác giả yêu thương

D. Kỷ niệm của tác giả với thành phố Huế

Câu 3. Những hình ảnh về Huế và đặc trưng của Huế được tác giả thể hiện trong bài thơ là:

A. Ngôi đền cổ, điện Hòn Chén, lăng tẩm, kinh thành Huế, Tràng Tiền, dòng sông (Hương), nón, Hải Vân

B. Ngôi đền cổ, điện Hòn Chén, lăng tẩm, cổ đô, áo (dài) trắng, Tràng Tiền, dòng sông (Hương), nón, Hải Vân

C. Ngôi đền cổ, chén ngọc, lăng tẩm, cổ đô, Tràng Tiền, dòng sông (Hương), nón, Hải Vân

D. Ngôi đền cổ, chén ngọc, lăng tẩm, kinh đô, cầu Tràng Tiền, sông Hương

Câu 4. Bài thơ trên thuộc thể thơ:

A. Lục bát

B. Tự do

C. Thất ngôn bát cú Đường luật

D. Thơ Mới

Câu 5. Biện pháp tu từ trong câu thơ sau là gì?

Con sông dùng dằng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu

A. Biện pháp tu từ nhân hóa

B. Biện pháp tu từ điệp từ

C. Biện pháp tu từ hoán dụ

D. Biện pháp tu từ so sánh

Câu 6. Cảm xúc chủ đạo của bài thơ trên là:

- A. Tình cảm triền miên trong lưu luyến của người sắp xa Huế.
- B. Sự nuối tiếc nhớ nhung khi phải xa Huế
- C. Niềm yêu thương Huế đậm đà, sâu sắc
- D. Sự nuối tiếc những kỉ niệm với người thương tại Huế

Câu 7. Yếu tố tượng trưng trong bài thơ được thể hiện ở hình ảnh nào sau đây:

- A. *Nắng mình mang mấy nhịp Tràng Tiền.*
- B. *Anh trở về hóa đá phía bên kia*
- C. *Nhịp cầu cong và con đường thẳng*
- D. *Nón rất Huế nhưng đời không phải thế,*

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng câu hỏi tu từ trong câu thơ: “Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu?”

Câu 9. Lựa chọn và phân tích một yếu tố tượng trưng trong bài thơ mà em ấn tượng

Câu 10. Hình ảnh

“*Con sông dùng dằng, con sông không chảy*

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu!” trong văn bản *Tạm biệt Huế* có gì khác so với hình ảnh dòng sông Hương trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử sau đây:

“*Gió theo lối gió, mây đường mây*

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay.”

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0

1	C	0.5
2	A	0.5
3	B	0.5
4	B	0.5
5	A	0.5
6	A	0.5
7	B	0.5
8	<p>Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● về mặt nghệ thuật: Biện pháp này nhằm tăng sức gợi cảm cho câu thơ ● về mặt nội dung: Giúp nhà thơ thể hiện nỗi băn khoăn, trăn trở, day dứt khi sắp phải rời xa Huế, đồng thời nó là cái cớ, là lí do để nhà thơ nhấn mạnh cho hai câu thơ tiếp theo của mình, đẩy cảm xúc dâng lên cao trào 	0.5
9	<p>HS lựa chọn yếu tố tượng trưng trong văn bản để phân tích và lí giải:</p> <p>Có thể tham khảo yếu tố tượng trưng được thể hiện trong câu thơ: <i>Anh trở về hóa đá phía bên kia</i></p> <p>Hình ảnh “anh” – nhân vật trữ tình không phải là “hóa đá” – mà cả câu thơ lấy từ tích cổ, thể hiện niềm mong ngóng đợi chờ, cũng có phần đau đớn khi phải rời xa tạm biệt thành phố Huế</p>	1.0
10	<p>Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình, có thể tham khảo:</p> <p>Cũng đều chỉ dòng nước của sông Hương nhưng ở câu thơ của Hàn Mặc Tử thì dòng sông Hương mang một nỗi buồn sâu thẳm, không nói nên lời (buồn thiu). Dòng nước buồn thiu đó chính là con sóng lòng buồn thiu của thi nhân đang dâng lên không sao giấu được, đó là dòng tâm trạng cô đơn, buồn, xót xa.</p> <p>Còn hai câu thơ trong bài Tạm biệt Huế, cũng vẫn là dòng nước sông Hương nhưng ở đây ám chỉ sự bịn rịn, lưu luyến không muốn rời xa (dùng dằng). Sông Hương là vậy, chỉ của riêng Huế thôi, không muốn</p>	1.0

		rời xa người tình của mình nên nàng Hương giang ấy đã chảy thật chậm, êm trôi, và khi phải từ biệt thành phố yêu quý của mình thì nó "dùng dằng", đó chính là tình cảm sâu nặng của sông Hương dành cho Huế và cũng qua đó bộc lộ nỗi niềm của nhà thơ Thu Bồn, cũng như sông Hương thôi, nhà thơ cũng dành cho Huế một tình yêu sâu nặng và cũng bịn rịn, lưu luyến khi sắp chia xa nơi này.	
II	VIẾT		4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu về vấn đề nghị luận: phân tích đánh giá hai phương diện Nội dung và Nghệ thuật của bài thơ - Sau đây là một hướng gợi ý: <i>1. Về nội dung</i> - Chủ đề: Cảm xúc về Huế và các địa danh nổi tiếng ở Huế - Cảm xúc chủ đạo: Tình cảm triền miên trong lưu luyến của người sắp xa Huế. - Cấu tứ: Xuyên suốt bài thơ là các hình ảnh biểu trưng, các hình ảnh đặc trưng về Huế, gợi cảm xúc nhớ nhung thiết tha Cảm Huế, hiểu Huế một cách sâu sắc và toàn vẹn vậy rồi, thế mà nhà thơ vẫn chạnh lòng chợt hỏi: “Một đời anh tìm mãi Huế nơi đâu”. Câu hỏi chẳng qua chỉ là “cái cớ” để đẩy cảm xúc bài thơ lên đến cao trào, thể hiện qua hai câu thơ tuyệt bút: <i>Con sông dùng dằng con sông không chảy</i> <i>Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu</i> Nhà thơ đã tìm thấy Huế từ trong chính ngọn nguồn, từ trong chính bản thể của Huế, mà một trong những biểu hiện đặc sắc đó là dòng	2.5

	<p>Hương, dòng sông tâm thức, dòng sông tâm hồn, dòng sông bản thể của những gì “rất Huế”.</p> <p>2. Về nghệ thuật</p> <p>- Một số biện pháp nghệ thuật:</p> <p><i>Em rất thực năng thì mờ ảo</i></p> <p><i>Xin đừng làm em với cổ đô</i></p> <p>hay:</p> <p><i>Nón rất Huế nhưng đời không phải thế</i></p> <p><i>Mặt trời lên từ phía nón em nghiêng</i></p> <p>Với nghệ thuật tương phản, mấy đoạn thơ dẫn ra trên khắc hoạ những đường nét khác nhau hợp thành gương mặt Huế đa dạng, viên mãn: thực quỵên với ảo, xưa gần với nay...Hai hình tượng thẩm mỹ “nón Huế” và “mặt trời” đặt cạnh nhau càng tô đậm nét Huế - thành phố trữ tình và khát vọng, “nữ tính” mà cháy bỏng. Đọc “Tạm biệt Huế” cho thấy Thu Bồn còn là một hoạ sĩ giỏi phối màu, phối cảnh. Trong bức tranh khéo phối màu về Huế, dĩ nhiên Thu Bồn không thể nào quên phối màu áo trắng ảo diệu của người con gái Huế: “Áo trắng hơi thuở tìm em không thấy”, cái màu trắng “sắc sắc, không không” mà Hàn Mặc Tử đã diễn tả thật thần tình trong bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ”: “Áo em trắng quá nhìn không ra, Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”. Nhưng Thu Bồn không lặp lại lối diễn tả cũ về Huế, chỉ thiên về nét ảo, mà Thu Bồn đặt nét thực và nét ảo cạnh nhau, trong thế đối nghịch “gay gắt” tưởng như phủ định nhau mà hoá ra không phải: “Em rất thực năng thì mờ ảo”, “Nón rất Huế nhưng đời không phải thế”. Giữa hai nét thực và ảo đó, Thu Bồn vẫn giành nhiều “điểm nhấn” cho nét thực, thể hiện qua lời nhắc khéo của người con gái Huế: “Xin đừng làm em với cổ đô”.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ LUYỆN SỐ 2

Môn: Ngữ văn lớp 11

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

THU VỊNH
(Nguyễn Khuyển)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

(Nguyễn Khuyển – Tác phẩm, Nguyễn Văn Huyền chủ biên, NXB Khoa học xã hội, 1984)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú B. Song thất lục bát
C. Lục bát D. Thất ngôn xen lục ngôn

Câu 2. Các tính từ được sử dụng trong bài thơ để miêu tả vẻ đẹp mùa thu là:

- A. thưa, xanh ngắt B. lơ phơ, thẹn
C. xanh ngắt, biếc D. hắt hiu, bóng trăng

Câu 3. Bài thơ trên sử dụng lối gieo vần nào ?

- A. Vần lưng
B. Vần hỗn hợp
C. Vần trắc
D. Vần chân

Câu 4. Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyển trong bài thơ Thu vịnh là:

- A. Điểm nhìn từ trên cao
B. Điểm nhìn từ dưới thấp
C. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa lại trở về gần
D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa

Câu 5. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong hai câu thơ:

Nước biếc trông như tầng khói phủ

Song thưa để mặc bóng trăng vào

- A. Nhân hóa, ẩn dụ
- B. So sánh, nhân hóa
- C. Liệt kê, so sánh
- D. So sánh, ẩn dụ

Câu 6. Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là gì?

- A. Nhớ nhung, sầu muộn
- B. Chán chường, ngán ngẫm
- C. U buồn, tủi hổ
- D. Cô đơn, u hoài

Câu 7: Bức tranh mùa thu trong Thu vịnh là bức tranh như thế nào?

- A. Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ
- B. Bức tranh thiên nhiên mới mẻ, kì thú, đậm chất phương xa, xứ lạ.
- C. Bức tranh thiên nhiên âm đạm, hiu hắt
- D. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Tác dụng của câu hỏi tu từ trong câu thơ “*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*” là gì?

Câu 9. Bài thơ khắc họa mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ, em có biết bài thơ nào viết về đề tài này không? Hãy ghi lại tên bài thơ và tên tác giả của bài thơ đó.

Câu 10. Từ nội dung của bài thơ “Thu vịnh” của tác giả Nguyễn Khuyến, em hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về nỗi thẹn của tác giả qua hai câu thơ cuối.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ “Thu vịnh” của tác giả Nguyễn Khuyến.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	D	0.5
	4	D	0.5

	5	B	0.5
	6	C	0.5
	7	D	0.5
	8	- Tăng sức gợi hình gợi cảm, tăng sự diễn đạt và nhịp điệu cho câu thơ. - Thể hiện được tâm trạng nỗi buồn man mác, âm thầm thức nỗi lòng của thi nhân.	0.5
	9	Học sinh kể tên một số bài thơ ứng với chủ đề yêu cầu. Sau đây là một số gợi ý: Thu âm, Thu điều (Nguyễn Khuyến), Sang thu (Hữu Thỉnh), Khi thu rụng lá (Lưu Trọng Lư),...	1.0
	10	- Học sinh trình bày được những suy nghĩ về nỗi thẹn của tác giả Nguyễn Khuyến qua hai câu thơ cuối. - Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành. <i>Sau đây là một số gợi ý:</i> + Thể hiện một tấm lòng chân thực, nỗi niềm u uẩn của một nhân cách lớn, của một nhà thơ lớn. + Dù đã về ẩn dật rồi, Nguyễn Khuyến vẫn còn chưa nguôi ân hận về những năm tham gia bộ máy chính quyền thời nát tàn bạo thời bấy giờ. → Nhân cách cao cả của tác giả	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> <i>Phân tích về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ “Thu vịnh”</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm	2.5

chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.

Sau đây là một hướng gợi ý:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu nội dung cần phân tích, đánh giá

2. Phân tích, đánh giá đặc sắc nội dung

+ Hai câu đề: hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vời vợi; mây tầng cao là tưởng như bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng. Căn trúc thanh mảnh khẽ dong đưa trước ngọn gió hắt hiu (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông của bầu trời mùa thu.

+ Hai câu thực: Nước biếc là màu đặc trưng của nước mùa thu (trong xanh). Lúc sáng sớm và chiều tối, mặt ao hồ thường có sương, trông như tầng khói phủ. Cảnh vật quen thuộc, bình dị trở nên huyền ảo. Hình ảnh Song thưa để mặc bóng trắng vào có sự tương phản giữa cái hữu hạn (song thưa) và cái vô hạn (bóng trắng), do vậy mà tứ thơ rộng mở, mênh mông ý nghĩa.

→ Cảnh vật trong bốn câu thơ trên được nhà thơ miêu tả ở những thời điểm khác nhau trong ngày, nhưng mỗi đây liên hệ giữa chúng lại là sự nhất quán trong cảm xúc của tác giả.

+ Hai câu luận: Tâm trạng hoài cổ chi phối cách nhìn, cách nghĩ của nhà thơ. Hoa năm nay mà nghĩ là hoa năm ngoái. Tiếng ngỗng trời kêu quen thuộc mỗi độ thu về khiến nhà thơ giật mình, băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào?

→ Chứa chất băng khuâng, suy tư. Nhà thơ quan sát cảnh vật với một nỗi niềm u uất.

+ Hai câu kết: Thi hứng dạt dào thôi thúc nhà thơ cầm bút, nhưng phần lí trí bừng thức khiến nhà thơ chột thấy thẹn với ông Đào. (Tức Đào Tiềm, nhà thơ nổi tiếng đời Đường bên Trung Quốc).

3. Phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật

- Nghệ thuật lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong sáng, giản dị, tự nhiên, gần gũi với đời thường

- Sử dụng từ lấy một cách khéo léo

	4. Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nội dung, độ đá về nghệ thuật; khẳng định tài năng của tác giả và nêu ý nghĩa/ giá trị, tác động của tác phẩm với người đọc.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: THƠ CA**ĐỀ LUYỆN SỐ 3****Môn: Ngữ văn lớp 11***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau:****MẸ TƠM***(Tố Hữu)**(1) Con đã về đây, ơi mẹ Tơm**Hỡi người mẹ khổ đã dành cơm**Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy**Không sợ tù gông, chấp súng gươm**(2) Nhà ai mới nhĩ, tường vôi trắng**Thơm nức mùi tôm nặng máy nong**Ngòn ngon sân phơi khoai dất nắng**Giếng vườn ai vậy, nước khơi trong?**(3) Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi*

Tròn đôi nắm đất trắng chân đôi

Sống trong cát, chết vùi trong cát

Những trái tim như ngọc sáng ngời

(4) Đốt nén hương thơm, mát dạ Người

Hãy về vui chút, mẹ Tơm ơi!

Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới

Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi...”

(Trích bài thơ “Mẹ Tơm” - Tố Hữu, Thơ Việt Nam 1945 - 1985)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Nhân vật trung tâm trong bài thơ đó là:

- A. Tác giả
- B. Người chiến sĩ
- C. Hình ảnh người mẹ anh hùng – Mẹ Tơm
- D. Hình ảnh người mẹ anh hùng

Câu 2. Thể thơ của đoạn trích trên là gì?

- A. Tự do
- B. Song thất lục bát
- C. Lục bát
- D. Thất ngôn tứ tuyệt

Câu 3. Dựa vào nội dung khổ thơ (1), bài thơ được viết vào hoàn cảnh nào

- A. Trong một chuyến ghé thăm bất ngờ vùng đất Hậu Lộc.
- B. Tác giả trở về quê hương sau bao ngày xa cách.
- C. Nhân dịp tác giả đi cùng đoàn tham quan.
- D. Trong một chuyến đi về thăm lại người mẹ anh hùng.

Câu 4. Biện pháp tu từ sử dụng trong câu thơ: “*Những trái tim như ngọc sáng ngời*” là:

- A. So sánh, hoán dụ

- B. Nhân hóa, so sánh
- C. Hoán dụ, đảo ngữ
- D. Ẩn dụ, hoán dụ

Câu 5. Tâm trạng của tác giả được thể hiện ở khổ thơ thứ hai trong đoạn trích trên là:

- A. Sự ngạc nhiên, vui mừng trước sự đổi thay của quê hương
- B. Sự ngỡ ngàng và cảm giác lạ lẫm khi lâu ngày mới trở lại
- C. Sự buồn ngủi, xúc động khi nhìn thấy những cảnh vật nơi đây
- D. Sự thất vọng, nuối tiếc khi không còn thấy cảnh cũ, người xưa

Câu 6. Hai câu thơ sau cho ta thấy điều gì?

“Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới

Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi”

- A. Vẻ đẹp cuộc sống mới đang thay đổi từng ngày
- B. Hình ảnh thiên nhiên, đất nước trong thời kì chiến tranh
- C. Khung cảnh thiên nhiên vào buổi sáng sớm
- D. Sự thay đổi của con người vào thời kì hậu chiến

Câu 7. Trong đoạn thơ trên có mấy cặp từ trái nghĩa?

- A. 5
- B. 2
- C. 1
- D. 3

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Dựa vào văn bản, em hãy nêu nội dung chính của trích đoạn “Mẹ Tơm” ?

Câu 9. Dựa vào trích đoạn “Mẹ Tơm” của tác giả Tố Hữu, em thấy hình ảnh mẹ Tơm hiện lên là người như thế nào?

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nhận xét về tình cảm của tác giả được thể hiện trong khổ thơ cuối.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước vận mệnh của đất nước, dân tộc.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ

Môn Ngữ văn, lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0.5
	2	A	0.5
	3	D	0.5
	4	A	0.5
	5	A	0.5
	6	A	0.5
	7	C	0.5
	8	Đoạn thơ là những dòng cảm xúc của tác giả Tố Hữu khi được trở về quê hương mẹ Tom. Đồng thời, tác giả gửi gắm tấm lòng thương yêu, kính trọng, ngợi ca và biết ơn người mẹ đã nuôi dưỡng nhà thơ trong những ngày tháng gian khổ.	0.5
	9	Mẹ Tom là một người mẹ giàu lòng thương yêu, có lí tưởng cao quý, một người phụ nữ yêu nước, căm thù giặc. Mẹ không quan khó nhọc nguy hiểm để cất giấu cán bộ chiến sĩ trong nhà mình.	1.0
	10	Học sinh phân tích những tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện ở khổ thơ cuối của đoạn trích. Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Phân tích một nhân vật trong “Mây trắng con bay”	0.5

	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật lựa chọn để phân tích (cô tiếp viên, tay vận complet, bà cụ, nhân vật tôi); tiến hành phân tích những hành động, suy nghĩ của nhân vật được thể hiện thông qua những chi tiết trong văn bản; đưa ra giá trị nội dung, nghệ thuật và tư tưởng, thông điệp của tác giả.</p> <p>- <i>Sau đây là một hướng gợi ý:</i></p> <p>+ Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này. ● Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức để thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành. ● Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. ● Thế giới không ngừng phát triển, điều này do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng thời trẻ. <p>+ Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước.</p> <p>Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Ngày xưa: những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh đất nước. ● Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa, ... <p>+ Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hi sinh.</p>	2.5
--	---	-----

	<ul style="list-style-type: none"> ● Trong chiến tranh: (dẫn chứng cụ thể) ● Trong thời bình: (dẫn chứng cụ thể) <p>+Làm thế nào để phát huy được vai trò của tuổi trẻ?</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ. ● Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức. ● Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức... <p>+ Bài học nhận thức và hành động</p> <p>+ Liên hệ bản thân</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0